

Số: 01/TC-STP

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 01 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2025**

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2025, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành **44** văn bản quy phạm pháp luật (*gồm: 28 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 14 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*), cụ thể:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 Ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(2) Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý Lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.

(4) Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(5) Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quy định đối tượng, mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(6) Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định phân loại vùng để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí; mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(7) Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(8) Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(9) Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(10) Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(11) Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(12) Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nội dung, mức chi đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(13) Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(14) Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(15) Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(16) Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(17) Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(18) Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(19) Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, giáo viên của tỉnh và chuyên gia tham gia bồi dưỡng đội tuyển thi chọn học sinh giỏi, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(20) Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(21) Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(22) Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(23) Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(24) Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong Bảng giá đất và quyết định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(25) Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(26) Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(27) Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(28) Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 Quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(4) Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(5) Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn

vị và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

(6) Quyết định số 110/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(7) Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 Quy định chi tiết đối tượng khách trong nước được mời cơm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(8) Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(9) Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(10) Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(11) Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(12) Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(13) Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(14) Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Phân bổ số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2025 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 07/2025/QĐ-CTUBND ngày 24/12/2025 Quy định cụ thể về thẩm quyền, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, trách nhiệm tổ chức cuộc họp các bước; thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026; bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày

01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND để thực hiện đúng trách nhiệm, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14¹; tạo cơ sở pháp lý thực hiện hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, bảo đảm phù hợp với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ban hành kèm theo Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND quy định về bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm 03 Chương, 21 Điều, cụ thể như sau:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước; (4) Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước.

- **Chương II – Quy định cụ thể**, gồm 13 Điều, quy định về: (1) Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; (2) Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh; (3) Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; (4) Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước và mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; (5) Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước; (6) Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; (7) Việc bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu trữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước; (8) Kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức; (9) Kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài có nội dung bí mật nhà nước do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức; (10) Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật và giải mật bí mật nhà nước; (11) Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật

¹ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 quy định:

“3. Văn phòng Trung ương Đảng và ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng ủy trực thuộc trung ương; cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; tỉnh ủy, thành ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

...c) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương”.

nhà nước; (12) Sử dụng biểu mẫu bí mật nhà nước; (13) Kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

- **Chương III – Điều khoản thi hành**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước; (2) Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước; (3) Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước; (4) Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý Lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND).

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ một phần các Nghị quyết sau:

+ Bãi bỏ cụm từ “lệ phí đăng ký kinh doanh” tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Bãi bỏ Nghị quyết tại số thứ tự 31 Phụ lục III; số thứ tự 33 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC²; kịp thời xử lý nội dung không còn phù hợp tại Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và tạo hành lang pháp lý để Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có cơ sở thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

² Khoản 7 Điều 3, Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định:

“Điều 3. Danh mục các khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
...7. Lệ phí đăng ký kinh doanh”.

2.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý Lệ phí đăng ký kinh doanh, gồm 06 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Đối tượng miễn lệ phí.

(3) **Điều 3:** Nội dung và mức thu lệ phí, gồm:

- Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi nộp hồ sơ trực tiếp.

- Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi nộp hồ sơ trực tuyến bằng 0 (không) đồng.

(4) **Điều 4:** Chế độ và phương thức thu, nộp lệ phí.

(5) **Điều 5:** Tổ chức thực hiện.

(6) **Điều 6:** Điều khoản thi hành.

3. Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 – 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND).

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ Nghị quyết tại số thứ tự 29 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14³; tạo cơ sở pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng gia nhập thị trường, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

3.3. Nội dung chủ yếu

³ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14 quy định

“Điều 25. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

...b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, gồm 06 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Nội dung và mức hỗ trợ.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Chi phí trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đối với tất cả thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan nhà nước mà doanh nghiệp yêu cầu giải quyết (trừ những thủ tục hành chính theo quy định phải nhận kết quả trực tuyến và trực tiếp).

+ Hỗ trợ kinh phí khắc 01 con dấu pháp nhân lần đầu sử dụng và kinh phí mua 01 chữ ký số sử dụng trong 03 năm đầu tiên sau khi thành lập (gồm chữ ký số và phí duy trì sử dụng).

- Mức hỗ trợ: Không quá 4.000.000 đồng/một doanh nghiệp.

(3) Điều 3: Điều kiện, quy trình, thủ tục hỗ trợ.

(4) Điều 4: Nguồn vốn hỗ trợ.

(5) Điều 5: Tổ chức thực hiện.

(6) Điều 6: Điều khoản thi hành.

4. Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND)

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/12/2025.

- Bãi bỏ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ Nghị quyết tại số thứ tự 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP⁴ và khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều

⁴ Khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định:

“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2023/TT- BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC⁵.

4.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND quy định phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương và một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, gồm 06 Điều, cụ thể:

- (1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- (2) **Điều 2:** Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.
- (3) **Điều 3:** Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.
- (4) **Điều 4:** Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.
- (5) **Điều 5:** Tổ chức thực hiện.
- (6) **Điều 6:** Điều khoản thi hành.

5. Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định đối tượng, mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND)

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định đối tượng, mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự số 12 Mục III Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm đ khoản 2 Điều 45, điểm g khoản 1

⁵ Khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 31/2023/TT- BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC quy định:

“Điều 4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường

...2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Quy định tại Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”..

...Điều 5. Mức chi

...2. Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số mức chi (theo Phụ lục 01 đính kèm).

Mức chi quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này là mức chi tối đa, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể để thực hiện tại địa phương.”

Điều 51 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14⁶ và khoản 6, khoản 9 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và Nghị định số 129/2025/NĐ-CP⁷; đồng thời, nhằm thực hiện đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*”, thể hiện sự tri ân, quan tâm, chăm lo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

5.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND quy định đối tượng, mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng, gồm 05 Điều, cụ thể:

- (1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- (2) **Điều 2:** Nguyên tắc chung.
- (3) **Điều 3:** Nhóm đối tượng và mức chi thăm hỏi tặng quà.
- (4) **Điều 4:** Nguồn kinh phí thực hiện.
- (5) **Điều 5:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

6. Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân loại vùng để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí; mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND)

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2025.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học

⁶ Điểm đ khoản 2 Điều 45, điểm g khoản 1 Điều 51 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 quy định:

“Điều 45. Nguồn lực ngân sách nhà nước

...2. Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây:

...đ) Chi thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng và gia đình nhân dịp lễ, tết;

...Điều 51. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

... g) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chính sách ngoài quy định tại khoản 1 Điều 45 của Pháp lệnh này”.

⁷ Khoản 6, khoản 9 Điều 171 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và Nghị định số 129/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 171. Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây:

...6. Chi thăm hỏi, động viên người có công và gia đình nhân dịp lễ, tết.

...9. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của người có công với cách mạng do địa phương ban hành: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và bảo đảm kinh phí thực hiện”.

phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo⁸; nhằm tạo cơ sở pháp lý thực hiện các chính sách về học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

6.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND quy định phân loại vùng để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí; mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026, gồm 06 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Phân loại vùng để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí.

(4) **Điều 4:** Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập.

(5) **Điều 5:** Mức hỗ trợ học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

(6) **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

7. Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND)

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

⁸ Khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định:

“6. Căn cứ chính sách phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối của ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định khung học phí hoặc mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục; đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Căn cứ khung học phí quy định tại Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

8. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý”.

- Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 7, 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND để quy định cụ thể nội dung thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15⁹ và điểm g khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15¹⁰; làm cơ sở pháp lý cho công tác phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2026 và các năm tiếp theo trong giai đoạn 2026-2030 cho các cơ quan, đơn vị thực hiện đầu tư cho các dự án theo quy định của pháp luật.

7.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 – 2030, gồm 07 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

(3) Điều 3: Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

(4) Điều 4: Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý.

(5) Điều 5: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bổ sung có mục tiêu cho cấp xã.

(6) Điều 6: Tổ chức thực hiện.

(7) Điều 7: Điều khoản thi hành.

8. Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND)

8.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và thay thế Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025

⁹ Khoản 3 Điều 51 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 quy định: “...*Điều 51. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm*

...3. *Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”.

¹⁰ Điểm g khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định:

“Điều 31. *Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp ...9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn: ... g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương.*”.

của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm d, đ khoản 9 Điều 31 và Điều 41 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15¹¹; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh.

8.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, gồm 08 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh (bao gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương).

(4) Điều 4: Nguồn thu của ngân sách cấp xã (bao gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương).

(5) Điều 5: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

(6) Điều 6: Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.

(7) Điều 7: Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.

(8) Điều 8: Tổ chức thực hiện.

9. Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường

¹¹ Điểm d, đ khoản 9 Điều 31 và Điều 41 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

...9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

... d) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này;

đ) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã;

... Điều 41. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương.

xuân ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là *Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND*)

9.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

+ Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của quy định ban hành kèm theo nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

+ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 27 Phụ lục III; số thứ tự 28, 31 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm g khoản 2 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15¹²; tạo cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2026, xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã, xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã năm 2026 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

9.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026, gồm 05 Chương 25 Điều, cụ thể:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 03 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

¹² Điểm g khoản 2 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

...9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

...g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;”.

- **Chương II - Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh**, gồm 07 Điều, quy định về: (1) Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, Mặt trận tổ quốc và các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; (2) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục; (3) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề; (4) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế; (5) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao; phát thanh - truyền hình; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; môi trường và các sự nghiệp khác; (6) Tiêu chí, định mức phân bổ chi lĩnh vực quốc phòng, An ninh và trật tự an toàn xã hội; (7) Tiêu chí, định mức phân bổ chi hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô.

- **Chương III - Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho xã, phường**, gồm 10 Điều, quy định về: (1) Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể; (2) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục; (3) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo; (4) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; (5) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường; (6) Tiêu chí, định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội; (7) Tiêu chí, định mức phân bổ chi hỗ trợ lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (8) Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể thao, du lịch, phát thanh, truyền thanh; (9) Tiêu chí, định mức phân bổ chi hỗ trợ hoạt động quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; (10) Tiêu chí, định mức phân bổ chi hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô.

- **Chương IV - Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực sự nghiệp**, gồm 03 Điều, quy định về: (1) Tiêu chí, định mức phân bổ chi duy tu, bảo dưỡng đường địa phương; (2) Tiêu chí, định mức phân bổ chi khác; (3) Tiêu chí, định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương.

- **Chương V - Tổ chức thực hiện**, gồm 02 Điều, quy định về: (1) Trách nhiệm thực hiện; (2) Hiệu lực thi hành.

10. Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND)

10.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2025.

Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật, hồ sơ đề nghị hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật chưa được thực hiện hỗ trợ kể từ ngày Nghị định số 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật có hiệu lực thi hành (từ ngày 25/7/2025) đến ngày Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành thì thực hiện hỗ trợ theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc

phục dịch bệnh động vật¹³; nhằm hỗ trợ cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật khôi phục sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

10.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật, gồm 07 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật.

(4) **Điều 4:** Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

(5) **Điều 5:** Nguồn kinh phí thực hiện.

(6) **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

(7) **Điều 7:** Hiệu lực thi hành.

11. Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND)

11.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 2 về nội dung thu và mức thu tại Phụ

¹³ Điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP quy định:

“3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức hỗ trợ đối với động vật, sản phẩm động vật khác chưa được quy định tại Điều 6 Nghị định này;

b) Mức hỗ trợ đối với động vật, sản phẩm động vật quy định tại Điều 6 Nghị định này cho phù hợp với thực tế địa phương nhưng tối đa không vượt quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này;

...d) Mức hỗ trợ cho người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn phù hợp với thực tế địa phương nhưng tối đa không vượt quá 02 lần mức hỗ trợ quy định tại Điều 7 Nghị định này”.

lục ban hành kèm theo nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 06 Phụ lục III, số thứ tự 04 và số thứ tự 11 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Địa chất khoáng sản số 54/2024/QH15; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC¹⁴. Nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

11.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, gồm 05 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Mức thu và chế độ thu, nộp phí.

(3) **Điều 3:** Quản lý và sử dụng phí.

(4) **Điều 4:** Tổ chức thực hiện.

(5) **Điều 5:** Điều khoản thi hành.

12. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND)

¹⁴ Khoản 9, khoản 10, 15 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định:

“Điều 2. Danh mục các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

9. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

10. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)....

15. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)”.

12.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 16 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 18 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh¹⁵; làm căn cứ để thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

12.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND quy định về nội dung, mức chi đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Nội dung và mức chi.

(3) **Điều 3:** Tổ chức thực hiện.

13. Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND)

13.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 20/12/2025 và bãi bỏ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi cho công tác bầu

¹⁵ Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 330/2016/TT-BTC quy định:

Điều 7. Tổ chức thực hiện

...2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này.

cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031¹⁶; làm căn cứ để thực hiện công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

13.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND.

(3) **Điều 3:** Tổ chức thực hiện.

14. Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND)

14.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 34 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 32 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

¹⁶ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC quy định:

“Điều 5. Mức chi tại địa phương

1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư này: Căn cứ mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương bổ sung, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban bầu cử cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc quyết định (trong trường hợp được Hội đồng nhân dân giao) mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương”.

Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp¹⁷; làm căn cứ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

14.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, gồm 05 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức chi đón tiếp và tặng quà lưu niệm các đoàn đại biểu, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, xã.

(4) **Điều 4:** Mức chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng các đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện.

(5) **Điều 5:** Tổ chức thực hiện.

15. Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

15.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

15.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 3, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC¹⁸; làm căn cứ để thực hiện lập dự toán, quản lý,

¹⁷ Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg quy định: “Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho từng cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù theo thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách nhà nước”.

¹⁸ khoản 2 Điều 3, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC quy định:

“Điều 3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

sử dụng kinh phí ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội cấp tỉnh thực hiện chính sách tín dụng cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

15.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh.

(3) **Điều 3:** Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay.

(4) **Điều 4:** Tổ chức thực hiện.

16. Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND)

16.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 51/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định nội dung và mức chi hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban tư vấn thuộc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 20 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 23 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

16.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 35/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư

...2. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm (tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

...Điều 5. Nội dung Quy chế

...5. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương.”.

vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện¹⁹; tạo cơ sở pháp lý để lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trên địa bàn tỉnh

16.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm 04 Điều, cụ thể:

- (1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.
- (2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.
- (3) **Điều 3:** Nội dung và mức chi.
- (4) **Điều 4:** Tổ chức thực hiện.

17. Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND)

17.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, mức chi phí chi trả chính sách an sinh xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ số thứ tự 24, số thứ tự 27 Mục III Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang trước sắp xếp.

17.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội,

¹⁹ Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 35/2018/TT-BTC quy định:

“Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư này”.

được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; điểm d khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 50/2024/TT-BTC.

17.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND gồm 07 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội.

(3) Điều 3: Mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng và mức hỗ trợ chi phí mai táng khi chết cho các đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng, chăm sóc trong các cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.

(4) Điều 4: Đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

(5) Điều 5: Mức hỗ trợ về nhà ở, sửa chữa nhà ở.

(6) Điều 6: Mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ.

(7) Điều 7: Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

18. Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND)

18.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 08/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ một phần các Nghị quyết sau:

+ Bãi bỏ cụm từ “lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh” tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Bãi bỏ số thứ tự 37, số thứ tự 40 Mục III Phụ lục III, số thứ tự 35 Mục III Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

18.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC²⁰.

18.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh, gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Mức thu lệ phí.

(3) **Điều 3:** Chế độ thu, nộp lệ phí.

(4) **Điều 4:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

19. Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, giáo viên của tỉnh và chuyên gia tham gia bồi dưỡng đội tuyển thi chọn học sinh giỏi, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND)

19.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

²⁰ Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định: “Điều 3. Danh mục các khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

...4. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện).

+ Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 24/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chính sách ưu đãi đối với học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Tuyên Quang và học sinh tham gia đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

- Bãi bỏ số thứ tự 19, 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

19.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh Trường THPT Chuyên và Trường THPT chuyên Hà Giang tỉnh Tuyên Quang, bồi dưỡng đối với giáo viên, chuyên gia, học sinh tham gia bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế; nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước về chính sách ưu đãi đối với công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và ưu tiên phát triển trường THPT chuyên đã được quy định trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và các văn bản khác có liên quan.

19.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND Quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, giáo viên của tỉnh và chuyên gia tham gia bồi dưỡng đội tuyển thi chọn học sinh giỏi, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế, gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Nội dung và mức hỗ trợ.

(3) **Điều 3:** Nguồn kinh phí thực hiện.

(4) **Điều 4:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

20. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND)

20.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

20.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3, khoản 5 Điều 18, khoản 4 Điều 28, khoản 2, khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 39, khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; nhằm tạo cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư, sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ công nghệ số, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số; hình thành cụm công nghiệp bán dẫn tại tỉnh, thu hút doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện, đóng góp vào tăng trưởng GRDP và năng suất lao động của tỉnh.

20.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, gồm 10 Điều, cụ thể:

- (1) Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.
- (2) Điều 2:** Đối tượng áp dụng.
- (3) Điều 3:** Nguyên tắc hỗ trợ.
- (4) Điều 4:** Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số.
- (5) Điều 5:** Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số.
- (6) Điều 6:** Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.
- (7) Điều 7:** Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.
- (8) Điều 8:** Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn.
- (9) Điều 9:** Trình tự, thủ tục hỗ trợ.
- (10) Điều 10:** Tổ chức thực hiện.

21. Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)

21.1. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/12/2025.

21.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND để thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm b khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: “*quyết định chính sách phát triển thể dục, thể thao tại địa phương*”; qua đó, khích lệ huấn luyện viên, vận động viên phấn đấu tập luyện lập thành tích trong thi đấu.

21.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh, gồm 06 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia.

(4) **Điều 4:** Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trong tỉnh.

(5) **Điều 5:** Kinh phí thực hiện.

(6) **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

22. Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND)

22.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 54 Phụ lục III; số thứ tự 49, 52 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

22.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC²¹.

²¹ Khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định:

“Điều 2. Danh mục các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

22.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, gồm 06 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức thu phí, gồm: Phí tham quan danh lam thắng cảnh; phí tham quan di tích lịch sử; phí tham quan công trình văn hóa, bảo tàng; phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; phí thư viện.

(4) **Điều 4:** Đối tượng được miễn, giảm phí.

(5) **Điều 5:** Chế độ kê khai, thu, nộp, quyết toán, quản lý và sử dụng phí.

(6) **Điều 6:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

23. Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND)

23.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 19 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 20 Mục II phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

23.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

-
- ...4. Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với danh lam thắng cảnh thuộc địa phương quản lý).
 5. Phí thăm quan di tích lịch sử (đối với di tích thuộc địa phương quản lý).
 6. Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng (đối với công trình thuộc địa phương quản lý).
 7. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.
 8. Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý)”.

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 121/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”²².

23.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức chi hỗ trợ.

(4) **Điều 4:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

24. Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong Bảng giá đất và quyết định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND)

24.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc thông qua Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2020-2024.

+ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2019/NQHĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2020 -2024.

+ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ danh mục nghị quyết tại số thứ tự 3 Phụ lục II; số thứ tự 2, 4 Phụ lục III; số thứ tự 3, 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết

quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

24.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao theo quy định tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Điều 12, khoản 5 Điều 14 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về giá đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

24.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND gồm 07 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất; các thửa đất, khu đất có yếu tố thuận lợi hoặc kém thuận lợi trong việc sử dụng đất.

(4) **Điều 4:** Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm: Bảng giá đất trồng cây hằng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác. Bảng giá đất trồng cây lâu năm. Bảng giá đất rừng sản xuất. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản. Bảng giá đất ở; đất thương mại, dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được quy định cụ thể tại Bảng giá đất của các xã, phường. Bảng giá đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

(5) **Điều 5:** Xác định giá đất đối với một số loại đất khác trong bảng giá đất.

(6) **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

(7) **Điều 7:** Điều khoản thi hành.

25. Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND)

25.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ danh mục nghị quyết tại số thứ tự 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

25.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-

BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC²³.

25.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương, gồm 05 Điều, cụ thể:

- (1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- (2) **Điều 2:** Mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương.
- (3) **Điều 3:** Kinh phí thực hiện.
- (4) **Điều 4:** Tổ chức thực hiện.
- (5) **Điều 5:** Điều khoản thi hành.

26. Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND)

26.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền xác định thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế trước ngày 01/01/2026 mà thay đổi đối tượng do việc sắp nhập đơn vị hành chính khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, người tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế và được hưởng quyền lợi theo đối tượng đã được xác định tại văn bản của cấp có thẩm quyền cho đến khi hết thời hạn theo quy định.

26.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế²⁴.

26.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng, gồm 05 Điều, cụ thể:

- (1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

²³ Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC quy định: “Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

²⁴ Điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định: “Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh.”.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.

(4) **Điều 4:** Nguồn kinh phí.

(5) **Điều 5:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

27. Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND)

27.1. Hiệu lực thi hành:

27.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức²⁵.

27.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, gồm 07 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức chi hỗ trợ cho công chức được cử đi đào tạo trong nước.

(4) **Điều 4:** Mức chi cho công tác bồi dưỡng công chức trong nước.

(5) **Điều 5:** Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức.

(6) **Điều 6:** Mức chi liên quan tới đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

(7) **Điều 7:** Tổ chức thực hiện.

28. Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND)

28.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

28.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính

²⁵ Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC quy định: “Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi làm căn cứ để các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập dự toán chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương chủ động quy định mức chi cụ thể từ nguồn ngân sách nhà nước cho phù hợp và đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện ở đơn vị trong phạm vi dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.”.

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC²⁶.

28.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng, gồm 06 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Tỷ lệ chi phí quản lý.

(3) **Điều 3:** Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng.

(4) **Điều 4:** Nguồn kinh phí thực hiện.

(5) **Điều 5:** Hiệu lực thi hành.

(6) **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

29. Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND)

29.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 16/12/2025.

Các dự án lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được lập trước ngày 16/12/2025 mà chưa được thẩm định, phê duyệt thì thực hiện như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước ngày 16/12/2025 thì thực hiện nghiệm thu, quyết toán theo dự toán đã được phê duyệt.

+ Đối với khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định của Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND.

29.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ

²⁶ Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC quy định:

“... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ chi phí quản lý tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của địa phương.

... Chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả): Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương.

...- Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương”

nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP²⁷; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

29.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND gồm 02 phần:

- **Phần I - Quy định chung**, quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt; hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng; quy định về sử dụng định mức; các quy định khác.

- **Phần II - Định mức kinh tế - kỹ thuật**, quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã; lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã.

30. Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND).

30.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

+ Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bãi bỏ số thứ tự 01, 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

30.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 3 Điều 24 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số

²⁷ Điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP) quy định: “2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: ...b).... Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sử nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sử nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương”.

72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15; điểm a khoản 2 Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 30 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT.

30.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi; thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi; thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại và phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Nội dung phân cấp,

(3) **Điều 3:** Điều khoản thi hành.

31. Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND)

31.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 67 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

31.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều 30, Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; khoản 2 Điều 6, khoản 8 Điều 29, khoản 8 Điều 60 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

31.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 107/2025/QĐ-UBND quy định một số nội dung về quản lý đường bộ, gồm 10 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Phân cấp, giao quản lý đường bộ.

(4) **Điều 4:** Tổ chức lập, soát xét, thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý ứ đọng, bảo đảm giao thông; hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với đường bộ được giao quản lý.

(5) **Điều 5:** Giao cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

(6) **Điều 6:** Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác.

(7) **Điều 7:** Trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác.

(8) **Điều 8:** Đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường địa phương không có trong các quy hoạch.

(9) **Điều 9:** Điều khoản chuyển tiếp.

(10) **Điều 10:** Điều khoản thi hành.

32. Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND)

32.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 22/12/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

+ Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 30/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn và số lượng hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

+ Bãi bỏ nội dung số thứ tự 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

32.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 Luật số 06/2022/QH15 và theo phân cấp tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

32.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, gồm 07 Chương 26 Điều, cụ thể:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 02 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (1) Đối tượng áp dụng.

- **Chương II – Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”; (2) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; (3) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; (4) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

- **Chương III – Tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương; (3) Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; (4) Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Giám đốc hợp tác xã.

- **Chương IV – Tổ chức và hoạt động của Hội đồng thi đua – khen thưởng các cấp**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; (2) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan cấp tỉnh; (3) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã; (4) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế khác thuộc tỉnh.

- **Chương V - Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh; công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể**, gồm 06 Điều, quy định về: (1) Quy định chung về hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; (2) Quy định chung về lấy ý kiến trước khi đề nghị khen thưởng; (3) Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “Chiến sĩ thi đua tỉnh”; “Tập thể lao động xuất sắc” và Bằng khen; (4) Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (5) Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen; (6) Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể.

- **Chương VI - Thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Trường hợp được cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; (2) Thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; (4) Thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng.

- **Chương VII – Điều khoản thi hành**, gồm 02 Điều, quy định về: (1) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; (2) Điều khoản thi hành.

33. Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích

chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND)

33.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/12/2025.

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang và bãi bỏ số thứ tự 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

33.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng và đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 11, khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

33.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, gồm 05 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng.

(3) Điều 3: Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

(4) Điều 4: Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

(5) Điều 5: Điều khoản thi hành.

34. Quyết định số 110/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 110/2025/QĐ-UBND)

34.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 110/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

+ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Bảng giá tính thuế các loại tài nguyên đối với nhóm loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Bảng giá tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

- Bãi bỏ số thứ tự 29, Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

34.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 110/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế tài nguyên được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2024/TT-BTC.

34.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 110/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại; Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại; Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm từ rừng tự nhiên; Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên.

(2) Điều 2: Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

35. Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết đối tượng khách trong nước được mời cơm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND)

35.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/12/2025.

35.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại Điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC; khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

35.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Quy định chi tiết đối tượng khách được mời cơm.

(4) **Điều 4:** Tổ chức thực hiện.

36. Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND)

36.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2026.

36.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm d khoản 1 Điều 51 Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng số 02/2020/QH14; khoản 4 Điều 152 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

36.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 112/2025/QĐ-UBND quy định việc quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, gồm 03 Chương, 10 Điều, cụ thể:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 02 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng.

- **Chương II – Quy định cụ thể**, gồm 03 Điều, quy định về: (1) Trách nhiệm quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; (2) Nội dung quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; (3) Kinh phí thực hiện.

- **Chương III – Tổ chức thực hiện**, gồm 05 Điều, quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Nội vụ; (2) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường; (3) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan; (4) Chế độ báo cáo; (5) Điều khoản thi hành.

37. Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND)

37.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

+ Quyết định 50/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Quyết định 43/2024/QĐ-UBND ngày 16/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 21 Phụ lục III, số thứ tự 14 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước khi sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/01/2026 nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt.

37.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 84/2025/QH15 và số 93/2025/QH15.

37.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi: Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với các loại cây trồng; Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với các loại vật nuôi là thủy sản; Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với các loại vật nuôi khác; Đơn giá hỗ trợ di dời vật nuôi khác.

(3) Điều 3: Nguyên tắc áp dụng.

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

38. Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND ngày 28/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND)

38.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/01/2026.

- Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

+ Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Bãi bỏ số thứ tự 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các

Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Đối với dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 08/01/2026 thì thực hiện nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt đối với các hạng mục đã hoàn thành. Các hạng mục chưa hoàn thành thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND.

38.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP²⁸; nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

38.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 114/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND gồm 03 phần:

- **Phần I - Quy định chung**, quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; cơ sở xây dựng định mức; sử dụng định mức; phương pháp xây dựng định mức; thành phần của định mức; đơn vị tính của định mức; từ ngữ viết tắt; các hệ số; khoanh đất.

- **Phần II – Định mức lao động.**

- **Phần III – Định mức vật tư.**

39. Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND)

39.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2026 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

— Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân

²⁸ Điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP) quy định: “2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: ...b).... Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương”.

dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

39.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

39.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND gồm 04 Chương, 17 Điều, cụ thể:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 06 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Giải thích từ ngữ; (4) Mục tiêu phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; (5) Nguyên tắc phối hợp; (6) Nội dung phối hợp.

- **Chương II – Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh**, gồm 06 Điều, quy định về: (1) Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (2) Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (3) Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (4) Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (5) Phối hợp trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật; (6) Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

- **Chương III - Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (2) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (3) Phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; (4) Phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

- **Chương IV - Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**, gồm 01 Điều quy định về nội dung, trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

40. Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND)

40.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2025.

40.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND để kịp thời sửa đổi, bổ sung Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND, nhằm đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 201/CĐ-TTg ngày 22/10/2025 về việc tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu và Bộ Tư pháp tại Văn bản số 6723/BTP-CTXDVBQPPL ngày 23/10/2025 về việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu.

40.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND gồm 02 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

41. Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND)

41.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2026.

41.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 11 Điều 52 Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14²⁹.

²⁹ Khoản 11 Điều 52 Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 quy định: “Điều 52. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng

11. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng ở địa phương”.

41.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 117/2025/QĐ-UBND gồm 03 Chương, 12 Điều, cụ thể:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 04 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Thành phần hệ thống thư điện tử; (4) Các hành vi bị nghiêm cấm.

- **Chương II – Quy định cụ thể**, gồm 05 Điều, quy định về: (1) Định dạng địa chỉ thư điện tử công vụ; (2) Quy tắc thiết lập mật khẩu cho tài khoản thư điện tử công vụ; (3) Quy trình cấp mới, thay đổi, hủy bỏ tài khoản thư điện tử công vụ; (4) Tạm khóa, khôi phục tài khoản thư điện tử công vụ; (5) Lưu trữ thư điện tử công vụ.

- **Chương III – Tổ chức thực hiện**, gồm 03 Điều, quy định: (1) Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thư điện tử công vụ; (2) Trách nhiệm của tổ chức khi sử dụng thư điện tử công vụ; (3) Trách nhiệm của cá nhân khi sử dụng thư điện tử công vụ.

42. Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân bổ số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND)

42.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2026.

- Bãi bỏ Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang Quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn, định mức giá mua xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và số thứ tự 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

42.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b5 khoản 6 Điều 8, điểm đ khoản 2 Điều 14a, khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

42.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND quy định phân bổ số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, gồm 04 Điều, cụ thể:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) **Điều 2:** Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung.

(3) **Điều 3:** Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung.

(4) **Điều 4:** Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung.

(5) **Điều 5:** Điều khoản thi hành.

43. Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND)

43.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2025.

43.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND để thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 38 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia³⁰.

43.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND ban hành kèm theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang.

Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 06/2025/QĐ-CTUBND quy định về quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, gồm 04 Chương, 34 Điều, cụ thể:

- **Chương I – Quy định chung**, gồm 03 Điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc hoạt động của Hệ thống.

- **Chương II - Quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tuyên quang**, gồm 09 Điều, quy định về: (1) Thông tin cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (2) Tên miền và tài khoản người dùng; (3) Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; (4) Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu; (5) Quản lý sử dụng khóa truy cập API (Application Programming Interface); (6) Cấp, khóa, kích hoạt, thu hồi các tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (7) Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu; (8) Xử lý sự cố; (9) Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

³⁰ Điểm đ khoản 1 Điều 38 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 38. Nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

...đ) Chỉ đạo xây dựng, quản lý thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; tổ chức các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn của Bộ Công an”.

- **Chương III - Khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính**, gồm 20 Điều, quy định về: (1) Các giao dịch điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (2) Thẩm quyền đăng nhập, xử lý; (3) Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư trên Hệ thống; (4) Xây dựng quy trình nội bộ và thiết lập quy trình điện tử; (5) Khai thông tin hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến; (6) Sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến; (7) Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính; (8) Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; (9) Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; (10) Tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; (11) Dừng thực hiện thủ tục hành chính; (12) Trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; (13) Xin lỗi trong trường hợp giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn; (14) Thanh toán phí, lệ phí, thuế; (15) Tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ thủ tục hành chính; (16) Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; (17) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (18) Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (19) Rà soát, đánh giá việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (20) Kết nối, tích hợp, chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

- **Chương IV – Kinh phí và chế độ báo cáo**, gồm 02 Điều, quy định về: (1) Chế độ báo cáo; (2) Kinh phí bảo đảm duy trì, vận hành và nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

44. Quyết định số 07/2025/QĐ-CTUBND ngày 24/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định cụ thể về thẩm quyền, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, trách nhiệm tổ chức cuộc họp các bước; thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 07/2025/QĐ-CTUBND)

44.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 07/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/12/2025 và bãi bỏ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (trước hợp nhất) quy định cụ thể thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý.

44.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 07/2025/QĐ-CTUBND để thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức³¹.

44.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 07/2025/QĐ-CTUBND quy định cụ thể về thẩm quyền, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, trách nhiệm tổ chức cuộc họp các bước; thành phần tham dự

³¹ Khoản 4 Điều 33 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP quy định: “Căn cứ điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về thẩm quyền, quy trình, thủ tục bổ nhiệm, trách nhiệm tổ chức cuộc họp các bước; quyết định cụ thể thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi phụ trách, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc theo quy định của cấp có thẩm quyền, quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan”.

các bước trong quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi phụ trách của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm 07 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Nguyên tắc chung.

(4) Điều 4: Thẩm quyền bổ nhiệm.

(5) Điều 5: Quy trình bổ nhiệm.

(6) Điều 6: Trách nhiệm tổ chức cuộc họp các bước; thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý từ nguồn nhân sự tại chỗ.

(7) Điều 7: Điều khoản thi hành.

(Nội dung chi tiết của văn bản được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật, địa chỉ: <https://vbpl.vn/tuyenquang/Pages/home.aspx>).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2025, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Phòng PBGDPL;
- Lưu: VT, XDKTVB&THPL.(TTLan).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Lâm